**Phụ lục**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI, SỬA ĐỔI BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ**

**PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TÂY NINH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI**

| **STT** | **Tên TTHC** | **Lĩnh vực** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- |
| **\* CẤP TỈNH (06 THỦ TỤC)** | | | |
| 1 | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.000679) | Trồng trọt | - Luật Sở hữu trí tuệ;  - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. |
| 2 | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.000643) | Trồng trọt | Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. |
| 3 | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Trồng trọt | - Luật Sở hữu trí tuệ;  - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. |
| 4 | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.000625) | Trồng trọt | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ 2022;  - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. |
| 5 | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.000596) | Trồng trọt | Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. |
| 6 | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Trồng trọt | - Luật Sở hữu trí tuệ;  - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. |
| **\* CẤP HUYỆN (01 THỦ TỤC)** | | | |
| 7 | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái | Lâm nghiệp | Thông tư số 13/2023/TTBNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (khoản 7 Điều 1) |

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (CẤP TỈNH)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung** | **Tên TTHC sửa đổi,**  **bổ sung** | **Lĩnh vực** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung** |
| 1 | Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (1.000055) | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức. | Lâm nghiệp | Thông tư số 13/2023/TTBNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (khoản 8 Điều 1) |

**PHẦN II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (CÔNG BỐ MỚI)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 01** | **Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.000679) (công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  - Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 30 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì tham mưu trình Trưởng phòng dự thảo quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.  + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ. | Công chức của Phòng TTBVTV | 17,5 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: kiểm tra dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: kiểm tra dự thảo quyết định cấp Thẻ giám định viên, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng BVTV | 02 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định cấp Thẻ giám định viên.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 02 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Đối với hồ sơ không hợp lệ: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định cấp Thẻ giám định viên. | Văn phòng UBND tỉnh | 07 ngày làm việc |
| - Đối với hồ sơ không hợp lệ: ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: ký duyệt quyết định cấp Thẻ giám định viên.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Lập danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.  - Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng.  - Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên.  - 02 ảnh 3x4 (cm).  - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này). | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | Quyết định cấp Thẻ giám định viên: 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Cá nhân | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | - Là Công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.  - Thường trú tại Việt Nam (có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú).  - Có phẩm chất đạo đức tốt (không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về giống cây trồng hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích).  - Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ năm năm trở lên và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định (đã trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về giống cây trồng, giải quyếttranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thanh tra về giống cây trồng tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng, nghiên cứu, giảngdạy về bảo hộ giống cây trồng tạitổ chức nghiên cứu, đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp, hoặc tư vấn về pháp luật về bảo hộ giống cây trồng dưới danh nghĩa người đại diện quyền đối vớigiống cây trồng).  *(Căn cứ khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ)* | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ. | | | |
| Khoản 2 Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong tại Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN  QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG  Kính gửi[[1]](#footnote-1): ……………………………………..  Cá nhân dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng: | **DẤU NHẬN ĐƠN**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | |
| **①NGƯỜI YÊU CẦU**  Tên đầy đủ:  Địa chỉ: Điện thoại:  Chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân số: | | |
| **②NỘI DUNG YÊU CẦU**  Cấp Thẻ lần đầu  Cấp lại Thẻ Số Thẻ đã cấp:  Lý do cấp lại:Thẻ bị mấtThẻ bị lỗiThẻ bị hỏng  Thay đổi thông tin trong Thẻ: | | |
| **③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**  Tờ khai theo mẫu  Bản gốc/bản sao Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ làm giám định viên quyền đối với giống cây trồng  Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng  Bản sao tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên  02 ảnh cỡ 3 x 4 cm  Thẻ đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)  Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trừ trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ do lỗi củacơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương) | | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*  Cán bộ nhận đơn  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| **④ CAM KẾT CỦA NGƯỜI YÊU CẦU**  Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  *Khai tại: ….. ngày … tháng … năm…*  Chữ ký, họ tên người yêu cầu | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 02** | **Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.000643)** **(công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  - Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
| **\* Trường hợp 1:** Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng trong các trường hợp sau:  - Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ,...) đến mức không sử dụng đươc.  - Thông tin ghi nhận trong Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng có sự thay đổi về họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của ngườiđươc cấp Thẻ. | | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 15 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo quyết định cấp lại Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ.  + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng khôngxác đáng thì tham mưu trình Trưởng phòng dự thảo quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối. | Công chức của Phòng TTBVTV | 4,5 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: kiểm tra dự thảo quyết định cấp lại Thẻ giám định viên, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: kiểm tra dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng BVTV | 02 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định cấp lại Thẻ giám định viên.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 02 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định cấp lại Thẻ giám định viên.  - Đối với hồ sơ không hợp lệ: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên. | Văn phòng UBND tỉnh | 05 ngày làm việc |
| - Đối với hồ sơ hợp lệ: ký duyệt quyết định cấp lại Thẻ giám định viên.  - Đối với hồ sơ không hợp lệ: ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Lập danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **\* Trường hợp 2:** Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do UBND tỉnh gây ra | | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
|  |  | - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |  |  |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ từ.  - Phân công công chức xử lý hồ sơ. | Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, kiểm tra hồ sơ.  - Tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo quyết định cấp lại Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ. | Công chức phòng TTBVTV | 01 ngày làm việc |
| Kiểm tra dự thảo quyết định cấp lại Thẻ giám định viên, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định cấp lại Thẻ giám định viên.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 01 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định cấp lại Thẻ giám định viên. | Văn phòng UBND tỉnh | 01 ngày làm việc |
| - Ký duyệt quyết định cấp lại Thẻ giám định viên.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Lập danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định | Lãnh đạo UBND tỉnh |
|  | **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.  - 02 ảnh 3x4 (cm).  - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này). | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | - Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợpThẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do UBND tỉnh gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ. | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Cá nhân | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Không có | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | Khoản 3 Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong tại Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN  QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG  Kính gửi[[2]](#footnote-2): ……………………………………..  Cá nhân dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng: | **DẤU NHẬN ĐƠN**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | |
| **①NGƯỜI YÊU CẦU**  Tên đầy đủ:  Địa chỉ: Điện thoại:  Chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân số: | | |
| **②NỘI DUNG YÊU CẦU**  Cấp Thẻ lần đầu  Cấp lại Thẻ Số Thẻ đã cấp:  Lý do cấp lại:Thẻ bị mấtThẻ bị lỗiThẻ bị hỏng  Thay đổi thông tin trong Thẻ: | | |
| **③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**  Tờ khai theo mẫu  Bản gốc/bản sao Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ làm giám định viên quyền đối với giống cây trồng  Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng  Bản sao tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên  02 ảnh cỡ 3 x 4 cm  Thẻ đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)  Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trừ trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ do lỗi củacơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương) | | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*  Cán bộ nhận đơn  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| **④ CAM KẾT CỦA NGƯỜI YÊU CẦU**  Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  *Khai tại: ….. ngày … tháng … năm…*  Chữ ký, họ tên người yêu cầu | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 03** | **Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  - Trường hợp tổ chức, cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 60 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng TTBVTV | 01 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  - Tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo thông báo về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, tham mưu trình Trưởng phòng dự thảo quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng cho các bên. | Công chức của Phòng TTBVTV | 36 ngày làm việc |
| - Kiểm tra dự thảo thông báo thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Kiểm tra dự thảo quyết định thu hồi Thẻ giám định viên hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng BVTV | 04 ngày làm việc |
| - Ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo thông báo thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định thu hồi Thẻ giám định viên hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 04 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt: thông báo thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng, quyết định thu hồi Thẻ giám định viên hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. | Văn phòng UBND tỉnh | 14 ngày làm việc |
| - Ký duyệt thông báo thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Ký duyệt quyết định thu hồi Thẻ giám định viên hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Đơn yêu cầu thu hồiThẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 02 tháng. | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Tổ chức, cá nhân. | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** |  | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | - Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.  - Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ.  - Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định.  - Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.  *(Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP)* | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ. | | | |
| Khoản 4 Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong tại Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 04** | **Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.000625) (công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  - Trường hợp Tổ chức, cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 30 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức.  + Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì tham mưu trình Trưởng phòng dự thảo quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối. | Công chức của Phòng TTBVTV | 17,5 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: kiểm tra dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: kiểm tra dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng BVTV | 02 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 02 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Đối với hồ sơ có thiếu sót: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. | Văn phòng UBND tỉnh | 07 ngày làm việc |
| - Đối với hồ sơ có thiếu sót: ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: ký duyệt quyết định cấp cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Lập danh sách Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.  - Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định quyền sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức.  - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này). | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Tổ chức. | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Cấp Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị địnhsố 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Doanh nghiêp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động thưo quy định của pháp luật có ít nhất có một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.  *(Căn cứ khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 78 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022)* | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | Khoản78 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ 2022. | | | |
| Khoản 2 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyềnsở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong tại Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN  TỔ CHỨCGIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI  GIỐNG CÂY TRỒNG  Kính gửi[[3]](#footnote-3): ……………………………………………  Tổ chức dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: | **DẤU NHẬN ĐƠN**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | |
| **① TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  Tên đầy đủ:  Địa chỉ: Điện thoại: | | |
| **② NỘI DUNG YÊU CẦU**  Cấp Giấy chứng nhận lần đầu  Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp:  Lý do cấp lại: Giấy chứng nhận bị mất Giấy chứng nhận bị lỗi  Giấy chứng nhận bị hỏng Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận | | |
| **③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Họ và tên** | **Số Thẻ giám định viên** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | | | |
| **④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**  Tờ khai theo mẫu  Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động liên quan.......  Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức  Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)  Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trừ trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận) | | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*  Cán bộ nhận đơn  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| **➄ CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI ĐƠN**  Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  *Khai tại: ………… ngày … tháng … năm …*  Chữ ký, họ tên người khai đơn  *(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)* | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 05** | **Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.000596) (công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  - Trường hợp tổ chức, cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
| **\* Trường hợp 1:** Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong các trường hợp sau:  - Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ,...) đến mức không sử dụng được.  - Có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP. | | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 15 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức.  + Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì tham mưu trình Trưởng phòng dự thảo quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối. | Công chức của Phòng TTBVTV | 4,5 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: kiểm tra dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh.  - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: kiểm tra dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng BVTV | 02 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Trường hợp hồ sơ có thiếu sót: ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, dự thảo quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 02 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Đối với hồ sơ có thiếu sót: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. | Văn phòng UBND tỉnh | 05 ngày làm việc |
| - Đối với hồ sơ có thiếu sót: ký duyệt thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: ký duyệt quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Lập danh sách Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chứcgiám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **\* Trường hợp 2:** Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do UBND tỉnh gây ra | | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
|  |  | - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |  |  |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ từ.  - Phân công công chức xử lý hồ sơ. | Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, kiểm tra hồ sơ.  - Tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức. | Công chức phòng TTBVTV | 01 ngày làm việc |
| Kiểm tra dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh.. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng TTBVTV | 0,5 ngày làm việc |
| - Ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 01 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. | Văn phòng UBND tỉnh | 01 ngày làm việc |
| - Ký duyệt quyết định cấp cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Lập danh sách Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chứcgiám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
|  | **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.  - Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định quyền đối với giốngcây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức, trừ trường hợp trongTờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống câytrồng đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp.  - Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyếtđịnh chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này). | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | - Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  *-* Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Tổ chức | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Cấp lại Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Không có | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | Khoản 2, khoản 3 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong tại Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỜ KHAI**  YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN  TỔ CHỨCGIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI  GIỐNG CÂY TRỒNG  Kính gửi[[4]](#footnote-4): ……………………………………………  Tổ chức dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: | **DẤU NHẬN ĐƠN**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)* | |
| **① TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  Tên đầy đủ:  Địa chỉ: Điện thoại: | | |
| **② NỘI DUNG YÊU CẦU**  Cấp Giấy chứng nhận lần đầu  Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp:  Lý do cấp lại: Giấy chứng nhận bị mất Giấy chứng nhận bị lỗi  Giấy chứng nhận bị hỏng Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận | | |
| **③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Họ và tên** | **Số Thẻ giám định viên** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | | | |
| **④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**  Tờ khai theo mẫu  Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động liên quan.......  Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức  Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)  Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trừ trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận) | | **KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*  Cán bộ nhận đơn  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| **➄ CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI ĐƠN**  Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  *Khai tại: ………… ngày … tháng … năm …*  Chữ ký, họ tên người khai đơn  *(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)* | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 06** | **Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  - Trường hợp tổ chức, cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định). | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 60 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTBVTV) - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng TTBVTV | 01 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  - Tham mưu trình Trưởng phòng TTBVTV dự thảo thông báo về yêu cầu này cho cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhậnvà ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, tham mưu trình Trưởng phòng dự thảo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên. | Công chức của Phòng TTBVTV | 36 ngày làm việc |
| - Kiểm tra dự thảo thông báo thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Kiểm tra dự thảo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên, trình Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh. | Lãnh đạo Chi cục TTBVTV, Trưởng phòng BVTV | 04 ngày làm việc |
| - Ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo thông báo thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Ký văn bản trình UBND tỉnh dự thảo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên.  - Chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 04 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt thông báo thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên. | Văn phòng UBND tỉnh | 14 ngày làm việc |
| - Ký duyệt thông báo thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Ký duyệt quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.  - Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giámđịnh quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 02 tháng. | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Tổ chức, cá nhân. | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** |  | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | - Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng được cấp trái với quy định của pháp luật.  - Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ.  - Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng chấm dứt hoạt động giám định.  *(Căn cứ điểm a khoản 4* Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP*)* | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ. | | | |
| Khoản 4 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong tại Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (CÔNG BỐ MỚI)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 07** | **Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (công bố mới)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện (sau đây gọi tắt là Bộ phận TN và TKQ).  - Trường hợp chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận TN và TKQ để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND huyện có thẩm quyền.  Cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái; nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định). | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 22 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Bộ phận TN và TKQ cấp huyện** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn của huyện xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN và TKQ cấp huyện thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Bộ phận TN và TKQ cấp huyện | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác có yêu cầu phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận TN và TKQ cấp huyện thông báo từ chối giải quyết yêu cầu phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án. |
| **Bước 2** | **Ủy ban nhân dân cấp huyện** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công phòng chuyên môn xử lý. | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định: tham mưu Trưởng phòng chuyên môn trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do.  + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu Trưởng phòng môn trình Lãnh đạo UBND cấp huyện ban hành văn bản lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan về nội dung phương án. | Công chức, Trưởng phòng chuyên môn | 01 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định: ký văn bản thông báo cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: ký văn bản lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan về nội dung phương án. | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 01 ngày làm việc |
| Có ý kiến trả lời bằng văn bản về nội dung phương án | Các cơ quan, đơn vị trực  thuộc có liên quan được lấy ý kiến | 07 ngày làm việc |
| Tổng hợp ý kiến góp ý, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định Phương án.  - Trường hợp từ chối phê duyệt phương án: dự thảo thông báo từ chối phê duyệt phương án, trong đó nêu rõ lý do, trình Trưởng phòng chuyên môn xem xét, tham mưu Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt  - Trường hợp phê duyệt phương án: dự thảo quyết định phê duyệt phương án, trình Trưởng phòng chuyên môn xem xét, tham mưu Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt. | Công chức, Trưởng phòng chuyên môn | 9,5 ngày làm việc |
| **Bước 3** | - Trường hợp từ chối phê duyệt phương án: ký duyệt thông báo từ chối phê duyệt phương án.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: ký duyệt quyết định quyết định phê duyệt phương án.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Bộ phận TN và TKQ cấp huyện, phòng chuyên môn. | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 02 ngày làm việc |
| **Bước 4** | Bộ phận TN và TKQ cấp huyện | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức Bộ phận TN và TKQ cấp huyện | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:**  **\* Hồ sơ phê duyệt phương án:**  - Đơn đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Bản sao các loại bản đồ:  + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016;  + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  - Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng.  Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng.  **\* Hồ sơ điều chỉnh phương án:**  - Đơn đề nghị phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBNNPTNT;  - Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung;  - Bản sao các loại bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung gồm:  + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016;  + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  - Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.  Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng. | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái. | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | Ủy ban nhân dân cấp huyện | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | - Quyết định phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững;  - Quyết định phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Đơn đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Đơn đề nghị phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBNNPTNT;  - Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Không | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | - Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. | | | |
| - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thời gian lưu 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

**Mẫu số 01 - Phụ lục III**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
------------------**

*(tên xã)…., ngày …. tháng ……. năm 202…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững**

*(Chỉ áp dụng đối với chủ rừng hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện)………*

Căn cứ Thông tư số [28/2018/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-28-2018-tt-bnnptnt-quy-dinh-ve-quan-ly-rung-ben-vung-402853.aspx) ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; Thông tư số /2023/TT-BNNPTNT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28 /2018/TT-BNNPTNT, kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện*)…xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Họ và tên chủ rừng: ……….(Ghi rõ họ và tên chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác)

2. Địa chỉ: …………..;

3. Số CCCD:………………..; Ngày cấp:……./……./…….;

4. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án quản lý rừng bền vững;

- Các loại bản đồ, gồm:…………………………………………………….

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện)……*xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT. | **Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác** *(ký, ghi rõ họ và tên)* **Nguyễn Văn B** |

**Mẫu số 04-Phụ lục III**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*(tên xã)…., ngày …. tháng ……. năm 202…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững**

*(Chỉ áp dụng đối với chủ rừng hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện)………*

Căn cứ Thông tư số [28/2018/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-28-2018-tt-bnnptnt-quy-dinh-ve-quan-ly-rung-ben-vung-402853.aspx) ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; Thông tư số /2023/TT-BNNPTNT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28 /2018/TT-BNNPTNT;

Căn cứ... (các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lâm nghiệp và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp, cơ chế, chính sách mới ban hành có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh phương án);

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện*)…xem xét, điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Họ và tên chủ rừng: ……….(Ghi rõ họ và tên chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác)

2. Địa chỉ: …………..;

3. Số CCCD:………………..; Ngày cấp:……./……./…….;

4. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án quản lý rừng bền vững (được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung);

- Các loại bản đồ, gồm:…………....(được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung);

(Tại mục 4 nêu trên, chủ rừng phải giải trình cơ sở pháp lý, thực tiễn đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ các nội dung có liên quan).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện)……*xem xét, phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT. | **Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác** *(ký, ghi rõ họ và tên)* **Nguyễn Văn B** |

**Mẫu số 02-Phụ lục III**

**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

*(áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác xây dựng phương án quản lý rừng bền vững)*

**MỞ ĐẦU**

**Chương I**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Các văn bản liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp của chủ rừng, nhóm hộ, tổ hợp tác.

**II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

Nêu các tài liệu, số liệu, thông tin, bản đồ sử dụng cho việc lập kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững.

**Chương II**

**ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG**

**I. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ RỪNG**

**1. Loại hình chủ rừng:**

Hộ gia đình/cá nhân/cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác.

**2. Cơ cấu tổ chức**

Mô tả mô hình tổ chức nhóm hộ/cộng đồng và nhiệm vụ của các thành phần trong nhóm, tổ hợp tác gồm:

- Nhóm hộ/cộng đồng, tổ hợp tác: Mô tả các thành phần và hình thức liên kết các thành viên gồm: các chủ rừng, cơ sở khai thác vận chuyển gỗ, cơ sở chế biến gỗ, vườn ươm…(nếu có) để thực hiện quản lý rừng bền vững, vai trò và nhiệm vụ của từng thành phần trong nhóm.

- Trưởng nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác: Vai trò và nhiệm vụ của trưởng nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác.

- Ban quản lý nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác: Mô tả Ban quản lý nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác, gồm: thành phần, vai trò và nhiệm vụ của từng thành phần tham gia trong Ban quản lý nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác (theo quy mô và nhu cầu, nhóm/tổ hợp tác có thể mời đại diện chính quyền, các ban, ngành của huyện, xã nơi các chủ rừng liên kết thành nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác và các thành viên khác là cơ sở chế biến có nhu cầu liên kết với nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác để thực hiện quản lý rừng bền vững, hướng đến cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững).

**3. Quy mô, diện tích rừng, đất lâm nghiệp của các thành viên tham gia nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác**

- Số lượng thành viên tham gia;

- Diện tích của từng thành viên nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác, gồm: diện tích loại rừng, dự kiến diện tích rừng trồng sẽ tham gia cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, diện tích loại trừ (diện tích rừng tự nhiên, diện tích các khu vực có ý nghĩa văn hóa, lịch sử, giải trí, tín ngưỡng, hành lang ven sông, suối và khu vực có các loài động thực vật trong danh lục cần được bảo vệ); tổng hợp từ Biểu 08 vào Biểu 01.

**Biểu 01: Tổng hợp diện tích rừng của các nhóm hộ/cộng đồng/tổ hợp tác phân theo xã, huyện....tỉnh...**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên xã | Tổng diện tích (ha) | Diện tích loại trừ (ha) | Dự kiến diện tích cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (ha) |
| (1) | (2=3+4) | (3) | (4) |
| Nhóm hộ/cộng đồng/tổ hợp tác: xã A |  |  |  |
| ......... |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |

**II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG**

**1. Diện tích và trữ lượng rừng**

Nêu hiện trạng rừng của chủ rừng, các thành viên tự nguyện tham gia nhóm/cộng đồng/tổ hợp tác:

- Tổng diện tích rừng: .... ha, trong đó:

+ Rừng đặc dụng….ha (rừng tự nhiên….ha, rừng trồng….ha);

+ Rừng phòng hộ …ha (rừng tự nhiên…ha, rừng trồng…ha);

+ Rừng sản xuất…ha (rừng tự nhiên…ha, rừng trồng…ha);

- Trữ lượng rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi: …. m3, trong đó:

+ Keo lai: … m3/tuổi…:

+ Keo tai tượng: … m3/tuổi…:

+ Bạch đàn: … m3/tuổi…:

- Lâm sản ngoài gỗ (bao gồm cây dược liệu):

+ Loài cây:…………; Diện tích:…………………; Sản lượng:……….

…………………………………..

**2. Tài nguyên đa dạng sinh học**

Tổng hợp, đánh giá danh lục các loài động, thực vật rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng hoặc nhóm hộ/tổ hợp tác theo Biểu 02 và Biểu 03:

**Biểu 02: Danh lục các loài thực vật rừng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Loài** | **Địa điểm** | **Số lượng, mật độ cây** |
| 1 | Lim xanh (kể cả tên địa phương nếu có) | khoảnh…., tiểu khu…., xã……., huyện……. | Ví dụ: ít, trung bình, nhiều |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |

**Biểu 03: Danh lục các loài động vật rừng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên Loài | Địa Điểm | Ghi Chú |
| 1 | Sóc (kể cả tên địa phương nếu có) | Tiểu khu ...., xã ...., huyện  ..... | Ví dụ: ít, trung bình, nhiều |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |

**Chương III**

**MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**I. MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**1. Mục tiêu chung:**Thiết lập được khu rừng của chủ rừng hoặc nhóm hộ/tổ hợp tác để thực hiện quản lý rừng bền vững nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế hộ gia đình, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Về kinh tế: Thu nhập…….triệu đồng/ha/năm; …..

b) Về xã hội: Tạo việc làm cho bao người lao động, gắn với xóa đói, giảm nghèo;……

c) Về môi trường: Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có….ha, trồng mới các loại rừng….ha;........

**3. Thời gian thực hiện kế hoạch quản lý:**Từ năm ….đến năm…..

**II. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**1. Kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại rừng**

Nêu diện tích, loại rừng hiện có của chủ rừng hoặc nhóm hộ cần được bảo vệ; biện pháp kỹ thuật cho các hoạt động phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy và chữa cháy rừng.

…………………………………………………………………………..

**2. Kế hoạch phát triển rừng tự nhiên (nếu có)**

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên:……..ha;

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung:……..ha;

- Làm giàu rừng:…..ha;

- Nuôi dưỡng rừng:…..ha.

-……………………….

**3. Kế hoạch sản xuất cây giống (nếu có)**

Xác định địa điểm, diện tích vườn ươm cây giống; dự kiến loài cây, số lượng cây sản xuất trung bình/năm.

**4. Kế hoạch trồng rừng**

Nêu các biện pháp kỹ thuật trồng rừng bảo đảm quản lý rừng bền vững từ khâu xử lý thực bì, làm đất, trồng rừng…vv và tổng hợp Kế hoạch trồng rừng vào Biểu 04:

**Biểu 04: Kế hoạch trồng rừng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loài cây | Năm trồng | Mật độ trồng (cây/ha) | Diện tích (ha) | Địa điểm |
| I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có): | | | | …… |  |
| 1 | Kim giao +… | 2024 | 1650 | 100 | Xã, tiểu khu, khoảnh, lô |
| 2 | .... | …... | …. | …. | …… |
| II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có): | | | | …… |  |
| 1 | Lát hoa +… |  |  |  |  |
| 2 | ……… |  |  | …… |  |
| III. RỪNG SẢN XUẤT | | | | | |
| 1 | Keo lai .. |  |  |  |  |
| 2 | …. |  |  |  |  |
| Tổng (I+II+III): | |  |  | ...... |  |

**5. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng**

Nêu các biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng: làm cỏ, vun xới gốc, phát luỗng dây leo, bón phân …vv và tổng hợp Kế hoạch chăm sóc rừng vào Biểu 05:

**Biểu 05: Kế hoạch chăm sóc rừng trồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động chăm sóc rừng | Diện tích chăm sóc (ha) | | | | | |
| Năm.. | Năm.. | Năm.. | Năm.. | Năm.. | Năm.. |
| 1. Rừng đặc dụng: | … | … | … | … | … | … |
| - Năm 1/Kim giao+… |  |  |  |  |  |  |
| .......... |  |  |  |  |  |  |
| 2. Rừng phòng hộ: | … | … | … | … | … | … |
| - Năm 1/Lát hoa+… |  |  |  |  |  |  |
| ………… |  |  |  |  |  |  |
| 3. Rừng sản xuất: | | | | | | |
| - Năm 1/Keo lai +.. |  |  |  |  |  |  |
| ……. |  |  |  |  |  |  |
| Tổng (1+2+3): |  |  |  |  |  |  |

**6. Kế hoạch phát triển cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu**

Xác định địa điểm, diện tích, loài cây trồng; kế hoạch trồng, chăm sóc cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

……………………………………………………………………………

**7. Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ**

Xác định địa điểm, diện tích, sản lượng, loài cây khai thác, các biện pháp kỹ thuật khai thác tác động thấp bảo đảm quản lý rừng bền vững và tổng hợp vào Biểu 06:

**Biểu 06: Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm khai thác | Diện tích (ha) | Sản lượng khai thác (m3; tấn; cây) | Địa điểm khai thác | Loài cây/năm trồng rừng |
| I. KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG | | | | |
| 2024 | 100 | 1.500 | Xã..tiểu khu ... | Keo tai  tượng/2016 |
| ...... | ..... | ..... | ....... | ...... |
| Tổng: |  |  |  |  |
| II. KHAI THÁC LÂM SẢN NGOÀI GỖ, DƯỢC LIỆU | | | | |
| 2024 | 100 | 200 (tấn) |  | Song, mây |
| ….. |  |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |

**8. Kế hoạch hoạt động du lịch sinh thái***(chỉ áp dụng đối với chủ rừng hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái)*

a) Hiện trạng, tiềm năng du lịch và các loại sản phẩm du lịch sinh thái;

b) Xác định các khu vực, địa điểm, diện tích, loại hình tổ chức du lịch sinh thái;

- Địa điểm: nêu tên các địa điểm tổ chức du lịch sinh thái.

- Xác định loại hình tổ chức thực hiện, gồm: tự tổ chức; liên kết hợp tác với các tổ chức, cá nhân và cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái;

- Tổng hợp các loại hình, diện tích các địa điểm, khu vực tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái vào Biểu số 07 và được thể hiện trên bản đồ phương án quản lý rừng bền vững:

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

**Biểu 07: Tổng hợp diện tích các khu vực tổ chức hoạt động du lịch sinh thái**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại hình tổ chức | Địa điểm/khu vực | Diện tích, loại rừng (ha) | | | | Ghi chú |
| Tổng | Đặc dụng | Phòng hộ | Sản xuất |
| 1. Tự tổ chức | Lô, khoảnh, tiểu khu (tên địa danh nếu có ) | 15 | - | - | 15 | Rừng trồng |
| 2. Liên kết hợp tác | …. | ….. | … | .. | … | …. |
| 3. Cho thuê môi trường rừng | …. | ….. | … | .. | … | …. |
| Tổng cộng (1+2+3) | | 15 | … | .. | 15 |  |

**9. Kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên nhóm**

- Bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, sâu bệnh hại rừng; bảo tồn đa dạng sinh học;

- Quy trình kỹ thuật sản xuất cây con; Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác rừng tác động thấp;

- Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- An toàn lao động và bảo hộ lao động;

- Sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật an toàn;

- Thu gom, xử lý các loại chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường;

- Du lịch sinh thái…………………………………………………………

**10. Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch:**…………….

**III. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN**

**1. Hiệu quả về kinh tế**:……………………………………………….

**2. Hiệu quả về môi trường**:………………………………………….

**3. Hiệu quả về xã hội**:………………………………………………..

**Chương IV**

**TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Đại diện nhóm

2. Ban quản lý nhóm

3. Thành viên nhóm

**II. THEO DÕI ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT**

Nội dung theo dõi đánh giá, giám sát bao gồm:

- Giám sát, đánh giá định kỳ đối với thành viên nhóm.

- Giám sát nhà thầu.

- Giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**(nêu các giải pháp thực hiện phương án quản lý rừng bền vững)

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

**2. Khuyến nghị**

**Biểu số 08. Tổng hợp danh sách**

**Chủ rừng hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác tham gia phương án quản lý rừng bền vững  
huyện ............. tỉnh.............**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Xã | Thôn, ấp | Chủ rừng | Tiểu khu, khoản h | Lô | Diện tích (ha) | R. Đặc dụng (ha) | | R. Phòng hộ (ha) | | R. Sản xuất (ha) | |
| R. Tự nhiên | Rừng Trồng | R. Tự nhiên | Rừng Trồng | R. Tự nhiên | Rừng Trồng |
| I. NHÓM HỘ/TỔ HỢP TÁC/CỘNG ĐỒNG A | | | | | | | | | | |  |  |
| 1 | Thượng Hiền | Trung Quý | Nguyễn Văn A |  |  | 21,0 | 1,5 | 2,0 | 1,5 | 11,0 | 3,0 | 2,0 |
|  |  |  |  | 1; 09 | 2; 4 | 3,5 | 1,5 | 2,0 |  |  |  |  |
|  |  |  |  | 12; 03 | 11; 20 | 12,5 |  |  | 1,5 | 11,0 |  |  |
|  |  |  |  | 22; 02 | 8; 7 | 5,0 |  |  |  |  | 3,0 | 2,0 |
| 2 | ....... | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... | ….. | …… |
| Tổng: | | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... | ….. | …. |
| II. NHÓM HỘ /TỔ HỢP TÁC/CỘNG ĐỒNG B | | | | | | | | | | |  |  |
| 1 | ....... | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... | ….. | ….. |
| Tổng | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng (I+II) | | ..... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... |  |  |

**III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy trình 08** | **Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (1.000055) (sửa đổi, bổ sung)** | | | |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Chủ rừng là tổ chức có nhu cầu thực hiện thủ tục phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm).  - Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.  - Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/  + Ứng dụng Tây Ninh Smart  + Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo  Thực hiện đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Sở Nông nghiệp và PTNT có thẩm quyền.  Cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững (sau đây gọi tắt là phương án); nộp phí, lệ phí (nếu có) thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ. | | | |
| Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định). | | | |
|  | **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:** | | | |
|  | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 28 ngày làm việc** |
| **Bước 1** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| \* Công chức tiếp nhận hồ sơ: có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.  - (1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến), đồng thời chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý, Bảo vệ và Phát triển rừng (QLBVPTR) thuộc Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| - (2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (1). |
| - (3) Trường hợp tổ chức có yêu cầu Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án. |
| **Bước 2** | **Sở Nông nghiệp và PTNT** | | |
| - Tiếp nhận hồ sơ.  - Phân công công chức xử lý. | Trưởng phòng QLBVPTR | 0,5 ngày làm việc |
| - Vào sổ theo dõi.  - Xem xét, thẩm định hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định: tham mưu Trưởng phòng QLBVPTR trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, tham mưu lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do.  + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu Trưởng phòng QLBVPTR trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, tham mưu lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ rừng được nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án. | Công chức của Phòng QLBVPTR, Trưởng phòng QLBVPTR, Lãnh đạo CCKL | 01 ngày làm việc |
| - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định: ký văn bản thông báo cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: ký văn bản lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ rừng được nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | 01 ngày làm việc |
| Có ý kiến trả lời bằng văn bản về nội dung phương án | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan được lấy ý kiến | 10 ngày làm việc |
| Tổng hợp ý kiến góp ý, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định phương án.  - Trường hợp từ chối phê duyệt phương án: dự thảo thông báo từ chối phê duyệt phương án, trong đó nêu rõ lý do, trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, tham mưu lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh phê duyệt.  - Trường hợp phê duyệt phương án: dự thảo quyết định phê duyệt phương án, trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, tham mưu lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh phê duyệt. | Công chức của Phòng QLBVPTR, Trưởng phòng QLBVPTR, Lãnh đạo CCKL | 9,5 ngày làm việc |
| **Bước 3** | **Ủy ban nhân dân tỉnh** | | |
| Tiếp nhận, vào sổ theo dõi và thẩm định hồ sơ.  - Trường hợp từ chối phê duyệt phương án: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt thông báo từ chối phê duyệt phương án.  - Trường hợp phê duyệt phương án: thẩm định, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt quyết định phê duyệt phương án. | Văn phòng UBND tỉnh | 05 ngày làm việc |
| - Trường hợp từ chối phê duyệt phương án: ký duyệt thông báo từ chối phê duyệt phương án.  - Đối với hồ sơ hợp lệ: ký duyệt quyết định quyết định phê duyệt phương án.  - Chuyển Văn thư phát hành, gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và PTNT. | Lãnh đạo UBND tỉnh |
| **Bước 4** | **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh** | | |
| - Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu.  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức/cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc nộp trực tuyến.  - Nhận kết quả trực tiếp, hoặc qua bưu chính hoặc nhận kết quả trực tuyến. | | | |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:**  **\* Hồ sơ phê duyệt phương án:**  - Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Bản sao các loại bản đồ:  + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016;  + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  - Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng.  - Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng.  **\* Hồ sơ điều chỉnh phương án:**  - Tờ trình đề nghị điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung;  - Bản sao các loại bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung gồm:  + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016;  + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  - Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.  - Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng. | | | |
| **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | | | |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Chủ rừng là tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT) | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT.  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | | |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | - Quyết định phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững;  - Quyết định phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững. | | | |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không | | | |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Tờ trình đề nghị điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;  - Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Không | | | |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | - Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. | | | |
| - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. | | | |
| **\* Ghi chú:** | | | | |
| Thành phần hồ sơ lưu | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định; | | | |
| Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; | | | |
| Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; | | | |
| Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc. | | | |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Quản lý, bảo vệ và Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm, thời gian lưu 01 năm sau đó chuyển kho lưu trữ để thực hiện lưu trữ theo quy định. | | | |
| **Kết quả** | - Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  - Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích. | | | |

**Mẫu số 01-Phụ lục IV**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN **TÊN CHỦ RỪNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /TTr- | *……., ngày tháng năm 20…..* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững**

Kính gửi: ………………… (1)………………………

Căn cứ Thông tư số [28/2018/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-28-2018-tt-bnnptnt-quy-dinh-ve-quan-ly-rung-ben-vung-402853.aspx) ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững (QLRBV); Thông tư số /2023/TT-BNNPTNT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [28/2018/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-28-2018-tt-bnnptnt-quy-dinh-ve-quan-ly-rung-ben-vung-402853.aspx) , (Tên chủ rừng) kính trình ……(1)………xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Tên Phương án: Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 20…- 20…

2. Tên chủ rừng:

3. Địa chỉ:

4. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng (nêu tóm tắt nội dung).

5. Mục tiêu Phương án: (nêu tóm tắt các mục tiêu).

6. Những nội dung chính thực hiện phương án (Kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo tồn, sản xuất, kinh doanh; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của phương án (nêu tóm tắt nội dung).

7. Dự kiến nhu cầu và nguồn vốn thực hiện phương án (nêu tóm tắt nội dung).

8. Giải pháp và tổ chức thực hiện Phương án (nêu tóm tắt nội dung).

*(Có phương án quản lý rừng bền vững và bản đồ kèm theo)*

Chủ rừng (tên chủ rừng) kính trình……(1)…… xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …… - Lưu: VT, …… | **Chủ rừng** *(ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú: (1) cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng.*

**Mẫu số 04 - Phụ lục IV**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN **TÊN CHỦ RỪNG…. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /TTr- | *……., ngày tháng năm 20…..* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững**

Kính gửi: ………………… (1)………………………

Căn cứ Thông tư số [28/2018/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-28-2018-tt-bnnptnt-quy-dinh-ve-quan-ly-rung-ben-vung-402853.aspx) ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; Thông tư số /2023/TT-BNNPTNT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28 /2018/TT-BNNPTNT;

Căn cứ... (các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lâm nghiệp và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp, cơ chế, chính sách mới ban hành có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh phương án);

Chủ rừng (Tên chủ rừng) kính trình ……(1)………xem xét, điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Điều chỉnh hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng (nêu tóm tắt nội dung nếu có).

2. Điều chỉnh mục tiêu Phương án: (nêu tóm tắt các mục tiêu nếu có).

3. Điều chỉnh những nội dung thực hiện phương án (nêu tóm tắt nội dung nếu có).

4. Điều chỉnh dự kiến nhu cầu và nguồn vốn thực hiện phương án (nếu có)

5. Điều chỉnh giải pháp và tổ chức thực hiện Phương án (nêu tóm tắt nội dung nếu có).

…………………………………………………………………………

(Tại các Mục từ 1 đến 5…. nêu trên, chủ rừng phải giải trình cơ sở pháp lý, thực tiễn (khoa học nếu có) đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ các nội dung có liên quan).

*(Có phương án quản lý rừng bền vững và bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kèm theo)*

Chủ rừng (Tên chủ rừng) kính trình……(1)…… xem xét, điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …… - Lưu: VT, …… | **Chủ rừng** *(ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú: (1) cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng.*

**PHỤ LỤC II**

**MẪU PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG***(áp dụng đối với chủ rừng là tổ chức)  
(Ban hành kèm theo Thông tư số*[*13/2023/TT-BNNPTNT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-13-2023-tt-bnnptnt-sua-doi-thong-tu-28-2018-tt-bnnptn-quan-ly-rung-ben-vung-592352.aspx)*ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Phần 1**

**NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**MỞ ĐẦU**

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững (sau đây viết tắt là phương án)

3. Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

**Chương 1**

**CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

**I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương

2. Văn bản của địa phương

**II. CAM KẾT QUỐC TẾ**

**III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng

2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng

3. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan

4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh

5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị

**Chương 2**

**ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên đơn vị (chủ rừng):……………………………………………………….

2. Địa chỉ (trụ sở làm việc của chủ rừng): xã ...............; huyện ................; tỉnh ................;

3. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật

4. Cơ cấu tổ chức của đơn vị

Nhận xét: Đặc điểm chung của đơn vị.

**II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG**

1. Vị trí địa lý (tiếp giáp: Đông, Tây, Nam, Bắc); Tọa độ: kinh độ; vĩ độ), địa hình

2. Khí hậu

3. Thủy văn

4. Địa chất và thổ nhưỡng

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

**III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI**

1. Dân số, dân tộc, lao động

2. Kinh tế: Những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư

3. Xã hội: Thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

**IV. GIAO THÔNG**

1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực

2. Hệ thống giao thông đường thủy

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

**V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

1. Những loại dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí mà đơn vị đang triển khai, thực hiện

2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

**VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT**

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

**VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG**

1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng

2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng

3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ (bao gồm cây dược liệu)

Nhận xét: Hiện trạng tài nguyên rừng có những ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

**VIII. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN**

1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm... hiện có của đơn vị theo các nguồn vốn đầu tư

2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị...của chủ rừng

3. Kết quả các chương trình, dự án đã và đang thực hiện

Nhận xét: Thực trạng cơ sở hạ tầng có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý và các hoạt động của đơn vị

**IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**

1. Quản lý rừng tự nhiên

2. Quản lý rừng trồng

3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng

4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ

5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Đa dạng thực vật rừng

b) Đa dạng động vật rừng

c) Cứu hộ, phát triển sinh vật

d) Danh lục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; những loài đặc hữu

6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

Nhận xét: Những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

**IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG (áp dụng đối với chủ quản lý rừng đặc dụng)**

1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt

2. Phân khu phục hồi sinh thái

3. Phân khu dịch vụ, hành chính

4. Vùng đệm: Diện tích, hiện trạng vùng đệm ngoài, vùng đệm trong (nếu có)

Nhận xét: Thực trạng phân khu, vùng đệm có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các hoạt động của đơn vị.

**IX-B. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG PHÒNG HỘ CỦA RỪNG (áp dụng đối với chủ rừng quản lý rừng phòng hộ)**

Căn cứ tiêu chí rừng phòng hộ, chủ rừng xác định chứng năng phòng hộ của rừng và xác định diện tích của từng loại rừng được giao, gồm:

1. Diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn...ha (rừng tự nhiên...ha; rừng trồng...ha)

2. Diện tích rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư... ha (rừng tự nhiên ...ha; rừng trồng...ha)

3. Diện tích rừng phòng hộ biên giới ... ha (rừng tự nhiên.. .ha; rừng trồng...ha)

4. Diện tích rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay... ha (rừng tự nhiên ...ha; rừng trồng...ha)

5. Diện tích rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển ... ha (rừng tự nhiên...ha; rừng trồng...ha)

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn.

**IX-C. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KỀ (áp dụng đối với chủ rừng quản lý rừng sản xuất)**

Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn.

**IX-D. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KẾ (áp dụng đối với chủ rừng quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ)**

1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công.

2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng: Nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí, lệ phí, nguồn thu từ liên kết, liên doanh, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, nguồn thu khác...

3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng: chi lương, chi cho các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng...chi khác theo quy định.

**Chương 3**

**MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN**

**I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về kinh tế

b) Mục tiêu về môi trường c) Mục tiêu về xã hội

**II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Mô tả kế hoạch sử dụng đất của chủ rừng.

**III. XÁC ĐỊNH KHU VỰC LOẠI TRỪ VÀ KHU VỰC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG (áp dụng đối với chủ quản lý rừng sản xuất)**

1. Khu vực loại trừ (khu vực rừng cần đưa vào quản lý, bảo vệ, hạn chế hoặc không khai thác lâm sản).

2. Khu vực rừng đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có).

3. Khu vực rừng, đất lâm nghiệp tổ chức sản xuất kinh doanh rừng hướng đến cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

**IV. KẾ HOẠCH KHOÁN RỪNG, VƯỜN CÂY VÀ DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐANG CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI ĐỊA PHƯƠNG; CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

1. Kế hoạch khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước.

a) Khoán ổn định.

b) Khoán công việc, dịch vụ…vv.

2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý (nếu có).

**V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**

1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

a) Bảo vệ rừng: bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có: .... ha, trong đó:

- Rừng đặc dụng: ...ha (rừng tự nhiên...ha; rừng trồng...ha).

- Rừng phòng hộ (nếu có): ...ha (rừng tự nhiên ...ha; rừng trồng ...ha).

- Rừng sản xuất (nếu có): ...ha (rừng tự nhiên ...ha; rừng trồng ...ha).

b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng.

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, cứu hộ, tái thả động vật rừng và khu rừng có giá trị về sinh thái, môi trường, ý nghĩa về văn hóa, xã hội.

2. Kế hoạch phát triển rừng.

a) Kế hoạch phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc có trồng bổ sung.

- Làm giàu rừng.

- Trồng rừng mới, chăm sóc rừng.

b) Kế hoạch phát triển rừng sản xuất.

- Phát triển rừng tự nhiên.

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc có trồng bổ sung;

+ Nuôi dưỡng, làm giàu rừng;

- Phát triển rừng trồng.

+ Lựa chọn loài cây trồng;

+ Sản xuất cây con;

+ Trồng rừng mới;

+ Trồng lại rừng sau khai thác;

+ Chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

3. Khai thác lâm sản.

a) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng đặc dụng.

- Khai thác rừng trồng thực nghiệm, nghiên cứu, khoa học.

- Khai thác tận dụng, tận thu lâm sản.

b) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng phòng hộ.

- Khai thác tận dụng, tận thu gỗ.

- Khai thác gỗ rừng trồng.

- Khai thác lâm sản ngoài gỗ.

c) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng sản xuất.

- Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

+ Khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng tự nhiên.

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ.

- Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Khai thác gỗ rừng trồng.

+ Khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng.

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ.

d) Những cơ sở và kỹ thuật xây dựng kế hoạch khai thác.

- Xác định chu kỳ khai thác theo loài cây.

- Chọn đối tượng rừng đưa vào khai thác.

- Tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi.

- Loại sản phẩm, quy cách sản phẩm.

- Kỹ thuật và công nghệ theo tiêu chuẩn khai thác tác động thấp.

- Xây dựng kế hoạch cho một chu kỳ: trình tự đưa các lô rừng vào khai thác bảo đảm ổn định trong chu kỳ, xác định cụ thể địa danh, diện tích, sản lượng khai thác.

đ) Công nghệ khai thác: công nghệ sử dụng, kỹ thuật mở đường vận xuất, vận chuyển (chiều rộng đường, mật độ đường, cự ly giữa các tuyến), kỹ thuật khai thác, an toàn lao động theo kỹ thuật khai thác tác động thấp.

e) Tổ chức khai thác, tiêu thụ sản phẩm.

- Tự tổ chức khai thác hoặc bán cây đứng cho đơn vị khai thác.

- Tiêu thụ gỗ (tiêu thụ trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh), hoặc tự tổ chức chế biến.

4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.

a) Danh mục, kế hoạch triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học.

b) Nhu cầu và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

a) Dự kiến các địa điểm, khu vực tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

b) Các phương thức tổ chức thực hiện bao gồm: tự tổ chức; liên kết với các tổ chức, cá nhân và cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

c) Khu vực dự kiến xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thể hiện trên bản đồ.

6. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp (áp dụng đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất).

a) Dự kiến khu vực tổ chức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, bao gồm: tên địa danh, diện tích, loài cây trồng, vật nuôi sản xuất nông lâm kết hợp.

b) Dự kiến hình thức tổ chức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp: chủ rừng tự tổ chức sản xuất; tổ chức, cá nhân nhận khoán ổn định sản xuất.

7. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.

- Duy tu bảo dưỡng đường, tên tuyến, thời gian thực hiện.

- Mở đường mới, đường nhánh, tên tuyến, giá trị sử dụng, thời gian thực hiện.

- Hệ thống bãi gỗ, số lượng, địa điểm, diện tích (chỉ áp dụng cho rừng trồng phòng hộ và rừng sản xuất).

- Xây dựng các công trình phúc lợi (nếu có) như nhà làm việc, câu lạc bộ, trạm quản lý bảo vệ, chòi canh, chỉ rõ mục đích, số lượng, thời gian thực hiện.

- Xây dựng vườn ươm, mục đích, địa điểm, diện tích, công suất, thời gian thực hiện.

8. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.

a) Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng.

b) Hình thức tổ chức thực hiện.

9. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng.

a) Các dịch vụ được tiến hành.

b) Tổ chức triển khai, thực hiện.

10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.

11. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng.

a) Thực hiện theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học.

b) Điều tra, kiểm kê rừng.

12. Chế biến, thương mại lâm sản: vị trí nhà xưởng, công nghệ, thiết bị, máy móc, sản phẩm, thị trường tiêu thụ... (áp dụng cho chủ quản lý rừng sản xuất hoặc phòng hộ (nếu có)).

**VI. KHÁI TOÁN, DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

1. Tổng hợp khái toán, dự kiến nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.

a) Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.

b) Bảo vệ rừng.

c) Phát triển rừng.

d) Nghiên cứu khoa học, cứu hộ động vật rừng, thực vật rừng, đào tạo, tập huấn.

đ) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

e) Ổn định dân cư.

g) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

h) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

i) Chế biến, thương mại lâm sản (chỉ áp dụng cho chủ rừng có hoạt động này).

2. Nguồn vốn đầu tư.

a) Vốn tự có.

b) Vốn liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư.

c) Vốn vay các tổ chức tín dụng.

d) Ngân sách nhà nước (nhiệm vụ công ích, khoa học công nghệ...).

đ) Dịch vụ môi trường rừng.

e) Khai thác lâm sản.

g) Hỗ trợ quốc tế.

h) Các nguồn khác....

**VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực.

2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ.

4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.

5. Giải pháp về thị trường (chỉ áp dụng với chủ rừng có sản xuất kinh doanh).

6. Giải pháp khác.

**VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN**

1. Hiệu quả về kinh tế.

a) Giá trị sản phẩm thu được.

b) Sản phẩm từ các hoạt động lâm sinh.

c) Tăng vốn rừng (tăng về diện tích, trữ lượng rừng trồng).

d) Giá trị kinh tế thu từ các dịch vụ: cây con, môi trường rừng, chế biến, thương mại lâm sản, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ...vv.

2. Hiệu quả về xã hội.

Đối tượng bị tác động và mức độ ảnh hưởng, bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực (giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập của người dân, nâng cao năng lực, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng).

3. Hiệu quả về môi trường.

Tiên lượng các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường, về bảo tồn đa dạng sinh học và các mẫu sinh thái có giá trị bảo tồn; tăng độ che phủ của rừng, phát triển các loài cây bản địa, tác dụng của việc bảo vệ các khu vực loại trừ và thực hiện khai thác tác động thấp.

**Chương 4**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

Mô tả và phân nhiệm vụ cụ thể đối với từng vị trí, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đã xác định trong Phương án.

**II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Mô tả được mục tiêu của công tác kiểm tra, giám sát phải đạt được. Xác định cụ thể các chỉ tiêu kiểm tra, giám sát đối với từng nhiệm vụ.

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Những nội dung cơ bản có tính chất tổng hợp nhất đã được xác định trong phương án. Việc thực hiện phương án sẽ đạt được những kết quả nổi bật so với phương thức trước đó.

2. Để thực hiện phương án đạt mục tiêu đề ra, những vấn đề khó khăn phải kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để tháo gỡ hoặc cần phải bổ sung cơ chế, chính sách./.

**Phần 2**

**HỆ THỐNG CÁC LOẠI BẢN ĐỒ VÀ BIỂU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**I. CÁC LOẠI BẢN ĐỒ**

1. Bản đồ hiện trạng rừng năm 202.., tỷ lệ 1/……;

2. Bản bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 202..,tỷ lệ 1/...;

3. Bản đồ quản lý rừng bền vững, giai đoạn 202…- 202…, tỷ lệ 1/…;

**II. HỆ THỐNG CÁC BIỂU**

|  |  |
| --- | --- |
| Biểu số 01 | Thống kê dân sinh, kinh tế - xã hội. |
| Biểu số 02 | Hiện trạng các công trình hạ tầng về giao thông. |
| Biểu số 03 | Thống kê hiện trạng sử dụng đất của chủ rừng theo đơn vị hành chính cấp xã. |
| Biểu số 04 | Thống kê hiện trạng rừng năm 20... |
| Biểu số 05 | Thống kê trữ lượng các loại rừng năm 20... |
| Biểu số 06 | Danh lục các loài thực vật rừng chủ yếu. |
| Biểu số 07 | Danh lục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. |
| Biểu số 08 | Danh lục các loài động vật rừng chủ yếu. |
| Biểu số 09 | Danh lục các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. |
| Biểu số 10 | Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 20..- 20... |
| Biểu số 11 | Tổng hợp kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 20..- 20... |
| Biểu số 12 | Tổng hợp kế hoạch khai thác lâm sản giai đoạn 20..- 20... |
| Biểu số 13 | Tổng hợp kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 20..- 20... |
| Biểu số 14 | Kết quả sản xuất, kinh doanh của chủ rừng. |

1. Tên cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tên cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận. [↑](#footnote-ref-4)